| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 61/2025/DS-ST
Ngày: 14/8/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.
***- Các Hội thẩm nhân dân:***
1. Ông Cao Văn Vạn;
2. Bà Lê Thị Vân.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 256/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1975, (có mặt);
Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Nay là ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp.
- *Bị đơn*: Anh Phan Văn L, sinh năm 1978, (vắng mặt);
Chị Hồ Thị Ánh L1, sinh năm 1982, (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.
Nay là ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 05/5/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:***

Do quen biết nên vào ngày 13/10/2024 (Ngày 11/9/2024 âm lịch), ông có cho vợ chồng chị Hồ Thị Ánh L1 và anh Phan Văn L mượn số tiền 100.000.000 đồng để tổ chức đám cưới cho con trai và hứa sẽ trả lại số tiền này sau khi đám cưới xong. Nhưng đến nay anh L, chị L1 hứa hẹn nhiều lần vẫn không trả số tiền trên cho ông.

Nay ông N yêu cầu anh Phan Văn L và chị Hồ Thị Ánh L1 trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

***** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhưng anh L, chị L1 vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phan Văn L và chị Hồ Thị Ánh L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông N xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với chị Hồ Thị Ánh L1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 100.000.000 đồng. Nay ông N chỉ khởi kiện anh Phan Văn L trả cho ông N số tiền 100.000.000 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 5 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N về việc yêu cầu chị Hồ Thị Ánh L1 liên đới trả số tiền 100.000.000 đồng.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N yêu cầu bị đơn anh Phan Văn L và chị Hồ Thị Ánh L1 trả số tiền còn nợ. Anh L, chị L1 có địa chỉ tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp). Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 của Bộ luật dân sự xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

3.1. Giao dịch dân sự về việc cho mượn tiền giữa ông N với anh L có lập thành văn bản, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận.

3.2. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ bởi nguyên đơn cung cấp "Giấy cho mượn tiền ngày 11/9/2024" do anh L ký tên mượn của ông N

số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận xong đám cưới con sẽ trả lại. Như vậy, thực tế giao dịch cho mượn tiền giữa ông N với anh L đã phát sinh nhưng đến nay anh L vẫn không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông N khởi kiện yêu cầu anh L trả lại số tiền trên là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

3.3. Bị đơn anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng không có ý kiến cũng như không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối với yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình. Đây là tình tiết mà nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, buộc anh L phải trả số tiền 100.000.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Căn cứ:**

- Khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N về việc yêu cầu chị Hồ Thị Ánh L1 liên đới trả số tiền 100.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

Buộc anh Phan Văn L phải trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 100.000.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Phan Văn L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Anh Phan Văn L phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- H lại cho ông Nguyễn Văn N số tiền 2.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003361 ngày 07/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Mỹ Nhanh**